

10. Trúng gió

Trúng gió cũng là "Tốt trúng", phần nhiều là người già và người béo hay mắc bệnh này. Thường thường do tình cảm không thoải mái dẫn đến can dương thiên vượng^(*), hoặc do uống rượu nhiều sinh đờm, hỏa nhiệt, do thân thể gầy yếu hoặc cảm thụ phong hàn gây ra. Khi mắc bệnh, đột nhiên té ngã, hôn mê không biết gì, kèm theo có các chứng: Miệng, mắt méo lệch, bán thân bất toại. Châm cứu có tác dụng cấp cứu. Khi cần thiết phải kết hợp Đông, Tây y để xử trí. Căn cứ vào nguyên nhân và cơ thể chế bệnh khác nhau, có thể chia ra hai loại: Bế chứng và thoát chứng.

a. Bế chứng (thực chứng)

Phần lớn do khí hỏa xung nghịch, đàm trọc tỏa thịnh, chứng sẽ thấy là: Hai mắt trợn ngược, hàm răng cắn chặt, hai tay nắm rất chắc, trong họng có tiếng đờm như kéo cưa, sắc mặt đỏ, tiếng thở hít to, đại tiểu tiện bí.

Cách chữa: Lấy huyết Nhân trung, Thập tuyên, Hợp cốc, Bách hội.

Trước hết lấy kim ba cạnh chích máu *Nhân trung*, *Thập tuyên*; dùng hào kim châm huyết *Bách hội* và *Hợp cốc*, đều dùng tả pháp, lưu kim 10 đến 15 phút.

Gia giảm:

- + Đờm nhiều, gia Phong long, Xích trạch.
- + Miệng mắt méo lệch, gia Địa thương, Giáp xa, Hạ quan.
- + Nóng nhiều, gia Đại chùy, Khúc trì.
- + Thần chí mơ màng, gia Thần môn.
- + Tứ chi co rúm, gia Kiên ngưng, Dương lăng tuyền.
- + Bán thân bất toại, gia Hoàn khiêu, Dương lăng tuyền, Huyền chung, Ủy trung.

Giải nghĩa của phương: Phương này để bình can^(*), dập tắt phong, khai khiếu, tiết nhiệt. Cơ chế bệnh bế chứng là do âm dương bế tắc, nghịch loạn, lấy *Thập tuyên* để tuyên khiếu khai bế^(**). *Hợp cốc* thì sơ điều khí âm, dương. *Bách hội* là chỗ hội của chư dương, *Nhân trung* điều đốc mạch, do đó đều có tác dụng thanh hỏa, tiết nhiệt của mọi thứ dương khí. Gia *Phong long*, *Xích trạch* để thanh nhiệt, trừ đờm. *Địa thương*, *Giáp xa*, *Hạ quan* điều kinh khí ở mặt. *Đại chùy*, *Khúc trạch* để tiết nhiệt, *Thần môn* tiết nhiệt, tỉnh thần chí. *Kiên ngưng*, *Dương lăng tuyền* để lưu khí huyết, thông kinh lạc. *Hoàn khiêu*, *Huyền chung*, *Ủy trung* có tác dụng thư gân, hoạt huyết thông lạc.

b. Thoát chứng (hư chứng)

Do chân khí suy yếu, nguyên dương bạo thoát, nên miệng há, mắt nhắm, hai tay xoè, đái dầm, chân tay lạnh, hít thở yếu, hoặc trên người ra những giọt mồ hôi to.

^(*) Can dương thiên vượng: Nhiệt ở gan có xu hướng tăng lên.

^(**) Bình can: Dẹp khí ở can nghịch loạn.

^(***) Tuyên khiếu khai bế: Thông cửa chủ yếu của tạng phủ, mở chỗ bị tắc.

Cách chữa: Lấy huyết Quan nguyên, Khí hải, Thần khuyết, Tam âm giao, Nhân trung.

Dùng mỗi ngải cứu Quan nguyên, Khí hải, Thần khuyết (cứu cách muối), Tam âm giao, mỗi chỗ cứu 10 mỗi, châm huyết Nhân trung.

Nếu có đái dầm, cứu Bách hội, lại châm Thận du, dùng phép bổ.

Giải nghĩa của phương: Lấy Quan nguyên, Khí hải, Thần khuyết, Tam âm giao để bồi thêm nguyên khí, làm giảm khí âm, hồi khí dương và giữ không cho thoát. Lấy Nhân trung để thông điều đốc mạch, khai khiếu tinh thần. Cứu Bách hội để nâng dương khí lên. Châm Thận du để bổ ích thận khí.